

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay tiếp tục xu hướng giằng co và đóng cửa tại mốc 1,521.02 điểm, tăng gần 9 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp. Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông, Tài nguyên cơ bản giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường vẫn đang tiếp tục tiến lên vùng đỉnh cũ 1,530 – 1,540 dù đi kèm sự rung lắc. Với lực cầu bắt đáy đang khá tốt, chỉ số vẫn có thể tiếp tục hành trình này trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các hợp đồng tương lai đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/07/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.71** điểm, đóng cửa tại **1521.02** điểm. HNX-Index **+1.34** điểm, đóng cửa tại **250.67** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+1.47)**, **VNM (+1.00)**, **HDB (+0.93)**, **VIC (+0.91)**, **VJC (+0.69)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.70)**, **MSN (-0.45)**, **HVN (-0.40)**, **FPT (-0.24)**, **VHM (-0.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **34,153** tỷ đồng, giảm **-5.70%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 36,915 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.5 điểm. Thị trường có **184** mã tăng, 59 mã tham chiếu, **131** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-208.34** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-388.44 tỷ)**, **MSN (-285.63 tỷ)**, **VHM (-207.18 tỷ)**, **FPT (-109.92 tỷ)**, **VCB (-93.24 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-49.87** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.56%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+4.15%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+4.02%)
MBB (+3.65%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.77%**. Các mã diễn biến tích cực:
SIP (+6.88%)
OCB (+5.71%) [\(Link báo cáo\)](#)
VJC (+4.78%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.56%	0.77%	0.58%	0.50%
1 tuần	1.50%	2.89%	2.08%	1.62%
1 tháng	8.86%	11.86%	11.29%	13.57%
3 tháng	24.33%	26.09%	23.74%	26.12%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,521.02	250.67	105.16
% 1D	0.58%	0.54%	0.34%
GTKL (tỷ VND)	34,153	2,554	891
%1D	-5.70%	-14.17%	-28.46%
GDNN (tỷ VND)	-208.34	-49.87	-92.05

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	474.59	HPG	-388.44
SSI	179.31	MSN	-285.63
VNM	176.27	VHM	-207.18
SHB	106.03	FPT	-109.92
VIX	95.75	VCB	-93.24

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

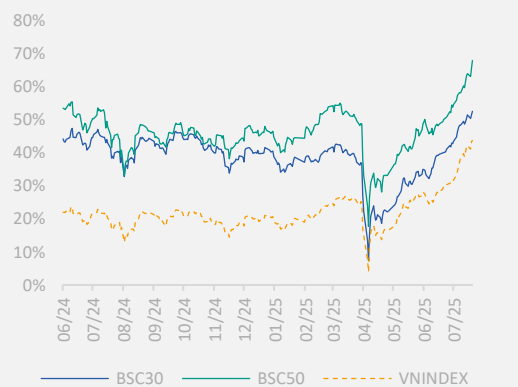
		%D	%W
SPX	6,359	0.78%	1.52%
FTSE100	9,154	1.02%	2.02%
Eurostoxx	5,386	0.81%	0.38%
Shanghai	3,606	0.65%	2.53%
Nikkei	41,826	1.59%	5.53%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	69.09	0.61%
Giá vàng	3,370	-0.83%
Tỷ giá		
USD/VND	26,320	0.00%
EUR/VND	31,543	0.19%
JPY/VND	183	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.4%	0.01%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	28.40	3.65%	1.47	6.10
VNM	63.70	3.24%	1.00	2.09
HDB	27.60	4.15%	0.93	3.51
VIC	116.00	0.87%	0.91	3.88
VJC	114.00	4.78%	0.69	0.54

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	64.40	4.55%	0.45	0.23
PVS	34.60	2.37%	0.26	0.48
NVB	15.50	1.97%	0.23	1.17
IDC	46.70	1.52%	0.15	0.33
DTK	12.60	2.44%	0.14	0.68

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SJS	149.80	7.00%	0.28	0.13
VSC	21.45	6.98%	0.13	39.45
BBC	75.10	6.98%	0.02	0.00
VPG	8.77	6.95%	0.01	2.06
FIT	5.26	6.91%	0.03	8.05

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NAP	11.10	9.90%	0.09	0.00
NFC	63.00	9.38%	0.36	0.02
TMX	10.60	9.28%	0.02	0.00
VCC	10.70	9.18%	0.09	0.04
NHC	22.70	9.13%	0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	26.00	-1.52%	-0.70	7.68
MSN	76.00	-1.68%	-0.45	1.51
HVN	33.20	-2.35%	-0.40	2.21
FPT	111.10	-0.63%	-0.24	1.48
VHM	92.00	-0.22%	-0.19	4.11

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	178.90	-4.84%	-1.13	0.20
KSF	66.00	-0.60%	-0.08	0.30
MBS	30.00	-0.66%	-0.07	0.57
BAB	12.30	-0.81%	-0.06	0.96
VCS	50.00	-1.19%	-0.06	0.16

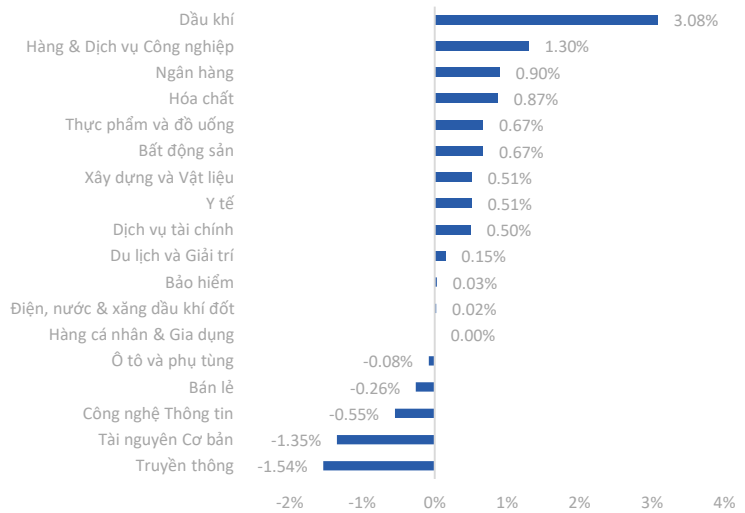
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
UIC	49.30	-6.98%	-0.01	0.01
SMA	9.50	-6.40%	0.00	0.50
YBM	14.60	-5.81%	0.00	0.07
FUCTVGF3	15.00	-5.06%	0.00	0.00
CLL	33.00	-3.51%	-0.01	0.11

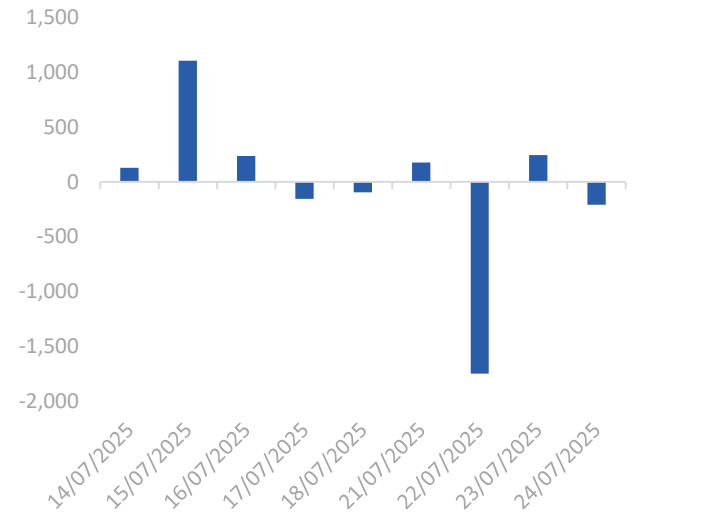
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VDL	8.90	-9.18%	-0.05	0.00
ADC	18.20	-9.00%	-0.03	0.00
BDB	8.60	-8.51%	0.00	0.00
BKC	47.30	-6.71%	-0.14	0.11
KSD	7.40	-6.33%	-0.02	0.06

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	69.5	0.0%	1.3	104,231	574.5	2,975	23.7		48.9%	
KBC	Bất động sản	28.5	0.0%	1.7	26,793	96.7	1,599	17.8		15.3%	
KDH	Bất động sản	28.8	1.1%	1.1	31,699	176.7	812	35.1		34.2%	
PDR	Bất động sản	20.2	0.0%	1.7	18,326	303.7	179	112.8	23,600	10.2%	Link
VHM	Bất động sản	92.0	-0.2%	1.1	378,703	725.1	7,766	11.9	81,300	10.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	111.1	-0.6%	1.2	190,455	738.0	5,092	22.0	136,500	40.9%	Link
BSR	Dầu khí	19.4	4.0%	0.0	57,824	266.3	(37)	(507)		0.3%	
PVS	Dầu khí	34.6	2.4%	1.4	16,155	396.8	2,303	14.7	38,600	12.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.2	-0.8%	1.8	27,377	250.4	1,177	21.6		38.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.0	-0.8%	1.6	63,593	1374.0	1,545	20.9		41.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	41.5	-0.2%	1.4	30,060	409.1	1,370	30.4		29.5%	
DCM	Hóa chất	35.2	-1.4%	1.6	18,900	224.9	2,805	12.7	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	105.2	-0.5%	1.4	40,143	253.6	8,205	12.9	109,300	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	23.2	0.9%	0.8	118,143	366.2	3,224	7.1	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	38.9	0.4%	0.9	271,727	429.0	3,643	10.6	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	45.7	0.1%	0.9	245,140	233.8	4,806	9.5	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	27.6	4.2%	0.9	92,619	2012.3	3,985	6.7	26,400	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	28.4	3.7%	0.9	167,202	1140.3	4,049	6.8	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	13.8	1.1%	1.1	35,360	218.2	2,150	6.3	14,000	28.2%	Link
STB	Ngân hàng	49.0	0.6%	0.9	91,810	561.7	5,767	8.4		20.1%	
TCB	Ngân hàng	35.1	0.1%	1.1	247,270	686.7	3,019	11.6	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.6	1.3%	1.0	40,686	451.0	2,383	6.5	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	62.1	0.0%	0.5	518,887	559.5	4,063	15.3	69,200	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	18.4	3.1%	0.8	60,452	473.5	2,105	8.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	23.5	0.6%	1.0	185,257	1132.8	2,193	10.7	24,000	25.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.0	-1.5%	1.1	202,632	1362.2	1,628	16.2	35,800	22.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.6	-1.6%	1.4	11,737	159.3	749	25.2	16,800	9.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	34.3	-0.7%	1.7	11,563	292.3	3,930	8.8	32,200	6.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.0	-1.7%	1.3	111,185	1256.8	1,518	50.9	82,500	25.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.7	3.2%	0.5	128,950	855.1	4,194	14.7	64,500	48.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	47.0	-2.08%	1.7	10,520	109.0	2,098	22.9	26.6%		Link
FRT	Bán lẻ	156.6	-0.57%	1.1	26,823	56.7	2,623	60.0	33.7%		Link
BVH	Bảo hiểm	52.2	-0.38%	1.1	38,898	15.7	2,975	17.6	27.3%		
DIG	Bất động sản	20.7	1.97%	1.5	13,123	538.9	303	67.0	5.3%		
DXG	Bất động sản	19.7	2.07%	1.4	19,664	419.8	310	62.3	26.3%		Link
HDC	Bất động sản	33.0	2.33%	1.3	5,743	244.9	443	72.8	4.3%		
HDG	Bất động sản	28.1	-0.18%	1.5	10,396	158.9	762	36.9	16.5%		Link
IDC	Bất động sản	46.7	1.52%	1.3	15,180	91.7	4,982	9.2	19.0%		
NLG	Bất động sản	40.5	1.63%	1.5	15,326	1304.5	1,827	21.8	48.2%		Link
SIP	Bất động sản	68.4	6.88%	1.5	15,495	123.4	5,282	12.1	3.6%		
SZC	Bất động sản	38.5	1.85%	1.6	6,794	162.6	1,978	19.1	2.6%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	25.3	1.20%	1.7	16,672	163.6	1,279	19.5	12.3%		Link
VIC	Bất động sản	116.0	0.87%	1.2	439,721	683.1	2,823	40.7	6.8%		
VRE	Bất động sản	29.8	1.88%	1.3	66,465	134.4	1,844	15.9	18.4%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	43.2	0.35%	1.2	9,086	82.6	1,650	26.1	36.8%		Link
PLX	Dầu khí	38.1	2.28%	1.0	47,330	166.5	1,535	24.3	17.0%		Link
PVD	Dầu khí	21.3	1.67%	1.4	11,618	210.3	1,246	16.8	4.0%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	40.5	-1.34%	1.9	14,224	226.0	1,348	30.5	27.7%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.0	-0.66%	1.8	17,298	172.8	1,554	19.4	5.9%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.1	0.14%	0.8	161,644	85.8	4,543	15.2	1.9%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.0	0.00%	1.0	32,786	127.0	546	25.6	3.2%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.4	0.14%	0.9	37,537	77.6	3,922	17.7	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	114.0	4.78%	0.7	64,367	355.8	2,754	39.5	11.3%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.0	2.25%	1.8	44,127	533.5	1,954	25.0	8.2%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.9	0.17%	1.1	24,287	119.6	3,765	15.4	39.8%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72.3	0.84%	1.3	9,313	351.6	5,594	12.8	4.8%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.4	0.55%	1.3	8,576	78.1	2,293	8.0	9.1%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	120.4	-0.50%	0.0	14,736	74.9	3,235	37.4	5.4%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.0	0.00%	1.0	29,060	74.0	6,105	14.1	49.0%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	32.2	0.00%	1.0	3,608	64.7	2,608	12.4	50.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.6	1.41%	1.3	2,611	60.7	2,844	7.5	16.8%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	41.1	-1.79%	1.4	16,358	199.1	1,223	34.2	7.7%		Link
GVR	Hóa chất	31.7	1.93%	2.2	124,200	209.7	1,174	26.4	0.8%		
EIB	Ngân hàng	27.1	0.37%	1.0	50,200	441.1	1,856	14.5	5.1%		Link
LPB	Ngân hàng	35.5	0.71%	0.7	105,302	90.2	3,324	10.6	0.9%	23.3%	
NAB	Ngân hàng	15.0	0.00%	0.0	25,735	25.8	2,239	6.7	2.0%		
OCB	Ngân hàng	13.0	5.71%	0.9	30,206	197.8	1,189	10.3	19.6%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.8	-0.67%	1.4	6,646	191.5	1,122	13.2	5.7%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.3	-2.10%	1.6	6,337	82.9	1,871	12.7	2.4%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.0	-0.44%	0.7	10,382	81.6	1,366	25.0	3.5%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.0	0.82%	1.2	62,333	115.7	3,217	15.1	58.9%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.2	1.04%	1.3	12,929	197.7	5,567	10.4	21.6%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	146.0	1.32%	1.0	11,796	22.1	13,894	10.4	85.9%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.1	-0.35%	1.3	8,662	65.2	3,235	26.4	48.7%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	98.4	-0.40%	1.5	11,301	47.4	4,754	20.8	9.1%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.1	0.52%	1.4	4,823	121.3	2,336	20.5	5.5%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.0	-1.52%	1.4	6,541	142.5	1,025	12.8	10.5%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.9	1.63%	1.4	8,762	203.6	1,237	19.8	14.7%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.1	-1.03%	1.5	15,709	264.0	915	26.6	6.8%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	49.0	1.45%	1.6	21,655	87.1	2,720	17.8	5.4%		

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>